

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-PT

Ngày: 09/04/2021

V/v: “*Tranh chấp QSD đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các thẩm phán: Ông Đinh Huy Lưỡng

Ông Nguyễn Tử Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Mơ - K sát viên.

Ngày 09 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐ-PT ngày 22/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Quyết Ch**, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn ĐH, xã NP, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Trọng T; địa chỉ: Tổ 3, phường TL, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quyết Ch (văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019 và ngày 06/01/2021).

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Quí Đ**, sinh năm 1939; Địa chỉ: Thôn Tr, xã Tr, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1959; địa chỉ: 185B, phố Nguyễn NN, phường Kh, quận Th, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quí Đ (văn bản ủy quyền ngày 05/12/2019 và ngày 14/10/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc H - chức vụ: Phó chủ tịch, là người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Duy Q – chức vụ chủ tịch.

3.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1944; địa chỉ: 128 H, phường Th, thành phố Kom Tum, tỉnh Kom Tum.

3.3. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1945; Địa chỉ: Phố BS, phường BĐ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3.4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ 3, phường TL, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

3.5. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956; Địa chỉ: Phố P, phường Ph, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3.6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn V, xã NP, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bà S, bà Ng, bà B, bà A, ông H: Ông Nguyễn Quyết Ch; Địa chỉ: Thôn ĐH, xã NP, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền của bà S, bà Ng, bà B, bà A, ông H (văn bản ủy quyền ngày 23/12/2019 và ngày 20/9/2019).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Quyết Ch.

5. Viện K sát kháng nghị: Viện trưởng Viện K sát nhân nhân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Ông Ch, ông T, ông C (có mặt); ông H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc đất gia đình ông Đ (con ông C1) đang sử dụng (trong đó có 118,47m² đang tranh chấp) và diện tích đất ông Ch (con ông Đ3) và diện tích đất làm nhà bia thờ cụ cố O và các con của cụ O gồm: (ông Đ1, ông Đ2, ông Đ3, ông C1 và bà C3) là của vợ chồng cụ cố O, cụ cố I và cụ cố N (cụ cố I là vợ cả, cụ cố N là vợ hai). Theo ông Ch được biết trước khi cụ cố I chết thì cụ O và cụ I có chia đất cho 04 người con trai gồm: ông Đ1, ông Đ2, ông Đ3 và ông C1 mỗi người 03 thước, một thước tương đương 24m². Ông Đ1 là con trưởng được chia thêm 03 thước để làm từ đường. Ông Đ1 chết năm 1964, ông Đ2 chết năm 1979, ông Đ3 chết năm 1981, ông C1 chết năm 2001.

Ông Ch không biết được cụ thể cụ cố O và cụ cố I chia cho 04 người con cụ thể sử dụng đất ở vị trí nào mà chỉ biết ông Đ3 (bố ông Ch) sử dụng chiều rộng là 6m, chiều dài chạy hết thổ đất giáp ngõ xóm phía Bắc, phía trước thửa đất là phía Đông có 01 ao kéo dài hết thổ đất, trên đất ông Đ3 có làm nhà, chuồng lợn, bếp, chuồng gà, đào giếng và đào ao nuôi cá. Đến năm 1998 ông Ch đã phá dỡ T bộ công trình nhà ở, để xây dựng lại nhà, xây xong phần móng nhà thì xảy ra tranh chấp. Năm 1999 ông C1 (bố ông Đ) đã khởi kiện ông Ch ra Tòa đòi lại diện tích đất mà ông Ch đã xây

móng nhà. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã tuyên *buộc ông Ch phải tháo dỡ công trình móng nhà tạm giao lại diện tích 118,47m² đất và bồi thường 294.000đ cho ông C1*. Ông Ch không Ô ý đã làm đơn khiếu nại lên Tòa án nhân dân Tối cao xem xét giải quyết. Tòa án nhân dân Tối cao hủy cả hai bản án giao lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết. Trong quá trình giải quyết lại, ông C1 đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đó cho đến năm 2017 ông Ch không xây dựng mà chỉ trồng cây, hoa màu trên đất. Đến khoảng tháng 4/2017 gia đình ông Đ (con ông C1) xây dựng lại nhà ở kiên cố, có liên hệ với ông Ch để nhờ vật liệu, nh không hiểu vì sao khi ông Đ làm xong nhà, đã tự ý phá dỡ móng nhà ông Ch xây dựng năm 1998, giếng nước xây năm 1965 cùng cây cối hoa màu trên đất và xây dựng một bức tường phía Nam giáp đất ông Ch và ông Đ. Gia đình ông Ch đã làm đơn tố giác hành vi hủy hoại tài sản của ông Đ, Cơ quan điều tra Công an huyện Hoa Lư, đã tiến hành xác minh đơn tố giác. Tại kết luận định giá tài sản ngày 18/12/2018 của hội Ô định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Ninh Bình kết luận: không định được giá tài sản (*móng nhà, giếng nước, đá cấp phối lẫn mạt*) tại thời điểm, vì vậy Cơ quan điều tra Công an huyện Hoa Lư ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Nay ông Ch khởi kiện đề nghị Tòa án Hủy giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 01/GCN/ĐK ngày 27/4/1987 của UBND huyện Hoa Lư cấp mang tên ông C1, buộc ông Nguyễn Quý Đ trả lại 118,47m² đất cho gia đình ông Ch và bồi thường thiệt hại số tiền 100 triệu Ô gồm:

- Xây lại móng nhà với giá thành xây ở thời điểm năm 1998 là 30.000.000đ.
- Xây lại giếng nước như cũ với giá thành xây ở thời điểm năm 1998 là 5.000.000đ.
- Bồi thường cây cối hoa màu tính ở năm 2018 là 10.000.000đ.
- Bồi thường theo ngày công lao động là 25.000.000đ.
- Bồi thường soạn thảo, đánh máy vi tính, copy tài liệu 10.000.000đ.
- Bồi thường xăng xe đi lại khởi kiện là 10.000.000đ.
- Bồi thường hao tâm tổn trí sức khỏe cho gia đình là 10.000.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Quý Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ là ông Nguyễn Ngọc C trình bày: Về nguồn gốc đất là của cụ cố Ô, cụ cố I, các cố đã chia cho 04 người con gồm: Ông Đ1, ông Đ2, ông Đ3 (bố ông Ch) và ông C1 (bố ông Đ, ông nội anh C) mỗi người 03 thước, còn 03 thước bán cho ông Nh từ những năm 1940, có văn tự bán đất do Viện hán nô dịch ra chữ quốc ngữ, hiện tại gia đình ông Đ còn lưu trữ bản dịch. Sau đó ông C1 có mua của ông Đ2 03 thước vào khoảng năm 1945 hoặc năm 1946 và mua của ông K 04 thước sau cải cách ruộng đất, cụ cố N là vợ lẽ của cụ cố Ô có bán cho ông C1 cụ thể mấy thước đất ao không nhớ rõ cũng mua vào khoảng năm 1945 hoặc năm 1946. Năm 1956 ông C1 do có nhiều đất bị quy là địa chủ, nên tịch thu toàn bộ nhà đất. Năm 1957 Nhà nước sửa sai và trả lại toàn bộ nhà đất cho ông C1, gia đình ông C1 sử dụng ổn định suốt một thời gian dài. Đến ngày 27/4/1987 UBND huyện Hoa Lư cấp giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất cho

ông C1 được tiếp tục sử dụng 738m² đất tại tờ bản đồ số 9 (trong đó thửa 321 diện tích đất thổ cư là 210m², thổ Ch 144m² và đất ao 252m² và thửa 312 diện tích 132m² đất ao. Năm 1990 ông Đ (con ông C1) đã san lấp ao và xây tường bao xung quanh. Năm 1998 ông Ch (con ông Đ3) đã tự ý đập phá và xây móng nhà, vì vậy ông C1 đã khởi kiện ra Tòa đòi lại diện tích đất 118,47m² ông Ch đã xây dựng móng nhà. Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã giải quyết buộc ông Ch tháo dỡ công trình móng nhà, trả lại diện tích đất 118,47m² tạm giao cho ông C1 quản lý sử dụng. Ô thời ông Ch phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông C1 với khoản tiền là 294.000Ô. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án đã thi hành tháo dỡ một phần móng nhà ông Ch đã xây, khoảng hai năm sau Tòa án nhân dân Tối cao đã hủy cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm giao lại cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giải quyết. Trong quá trình giải quyết ông Đ (con ông C1) là người đại diện theo ủy quyền, vì tình nghĩa anh em nên đã rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đình chỉ giải quyết vụ án, suốt từ thời gian đó cho đến năm 2017 không ai sử dụng. Đến tháng 9/2017 anh C (con ông Đ) đã về xây dựng lại nhà cửa, thuê máy xúc hốt toàn bộ phế thải và móng nhà đã phá một phần của ông Ch để xây dựng. Nay ông Ch khởi kiện buộc ông Đ phải trả lại 118,47m², bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất ngày 27/4/1987 của UBND huyện Hoa Lư cấp mang tên ông C1 là không có căn cứ.

Ý kiến của UBND huyện Hoa Lư: Về nguồn gốc sử dụng đất, vị trí đất ông Ch khởi kiện tại bản đồ số mục kê năm 1979 thể hiện thửa số 321 tờ số 9, diện tích 680m² (thổ Ch 130m², ao 200m², thổ cư 350m² mang tên Ô); Bản đồ và sổ mục kê năm 1986 thể hiện thửa 321 tờ bản đồ số 9, diện tích 750m² bản đồ thì ghi tên Ô, loại đất thổ cư 420m², đất ao 200m², thổ Ch 144m², còn sổ mục kê ghi U các chủ sử dụng là U + C1 + Ch, trong đó ông U sử dụng 72m² đất thổ; ông Ch 72m² đất thổ; ông C1 sử dụng 606m² (trong đó đất thổ cư 210m², thổ Ch 144m², đất ao 252m²).

Tại bản đồ và sổ mục kê năm 1998 thể hiện thửa 51, tờ phụ lục 9, diện tích 750m² chủ sử dụng ghi Nguyễn Văn U, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn Đ (ghi chú còn tranh chấp). Sổ danh sách hộ loại 1 HTX Thắng Thành năm 1986 thể hiện thửa 321 ông C1 diện tích 606m²; Ch diện tích 72m²; U diện tích 105m².

Hồ sơ cấp GCN tạm thời sử dụng đất năm 1987 ghi tên ông C1 hiện nay UBND huyện không còn lưu trữ. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết.

UBND xã Tr cung cấp: Về nguồn gốc thửa đất 321, tờ số 9 bản đồ địa chính xã Tr L năm 1986: Theo tài liệu xã lưu trữ sổ mục kê năm 1979 thửa đất nói trên thể hiện tại thửa 321, tờ bản đồ số 9 có diện tích 680m² (có 1 lý) mang tên Ô (chỉnh lý C1). Năm 1986 thửa 321 diện tích 750m² mang tên U, Ch, C1, trong đó ông U sử dụng 72m², ông Ch 72m² đất thổ và ông C1 606m² gồm 210m² đất thổ cư, 144m² thổ Ch và 252m² đất ao. So với mục kê năm 1979 diện tích năm 1986 tăng thêm 70m² là do biến động và có sự chỉnh lý. Năm 1998 thổ đất đo đạc lại, trích lục bản đồ và sổ mục kê thể hiện thửa 51 tờ bản đồ phụ lục số 9 có diện tích 750m² đều là đất thổ, chủ sử dụng là Đảng, Ch, U (ghi chú đất còn tranh chấp). Do chưa xác định được ranh giới, mốc giới của từng hộ mà hồ sơ chỉ ghi diện tích từng hộ trên cùng thửa nên chưa

được cấp giấy chứng nhận. Năm 1987 thửa đất nói trên được cấp GCN tạm thời sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn C1 là căn cứ vào sổ loại 1 để cấp, đến nay hồ sơ về việc cấp giấy UBND xã không còn lưu trữ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 12/6/2020 kết quả: Hiện trạng đất thực tế tại thửa 321 tờ bản đồ số 9 (nay là thửa 51) có tổng diện tích là 736,5m² đất thổ (trong đó diện tích đất đang tranh chấp là 107,1m², diện tích nhà ông Ch là 45,8m², diện tích đất nhà ông U là 110,3m², diện tích đất nhà ông Đ là 473,3m² (không bao gồm đất tranh chấp).

Tại bản án số 04/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Áp dụng: Điều 203 luật đất đai; Điều 256; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự; Quyết định số 201 - CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường quản lý ruộng đất trong cả nước; Điều 147; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quyết Ch đề nghị Tòa hủy giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 01/GCN/ĐK ngày 27/4/1987 của UBND huyện Hoa Lư.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quyết Ch yêu cầu ông Nguyễn Quý Đ (con ông C1) phải trả cho gia đình ông Ch 118,47m² đất tại thửa 321 tờ bản đồ số 09 (nay thửa số 51 tờ bản đồ số 09) của UBND xã Tr, huyện Hoa Lư.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quyết Ch yêu cầu ông Nguyễn Quý Đ (con ông C1) bồi thường thiệt hại cho ông Ch. Ông Nguyễn Quý Đ phải bồi thường 1/2 giá trị đất, đá hỗn hợp cho gia đình ông Ch cụ thể (47,80m³ x 80.000đ/m³): 2 = 1.912.000đồng.

Kể từ ngày ông Ch có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đ chưa thanh toán số tiền nêu trên cho ông Ch, thì ông Đ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Ông Nguyễn Quyết Ch phải chịu tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà ông Ch đã nộp để chi phí cho hội đồng là 6.400.000đồng.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Quyết Ch và ông Nguyễn Quý Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Quyết Ch có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án huyện Hoa Lư. Đề nghị Tòa án tỉnh Ninh Bình xét xử lại vụ án theo hướng: Hủy giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 01/GCN/ĐK ngày 27/4/1987 của UBND huyện Hoa Lư đã cấp cho ông Nguyễn Văn C1; Buộc ông Nguyễn Quý Đ trả lại 118,47m² đất cho gia đình ông Ch và yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị đơn gây ra.

Ngày 06/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư ra Quyết định số 02/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư theo thủ tục phúc thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án huyện Hoa Lư, lý do:

1. Đối với yêu cầu đòi 118,47m² của ông Ch (móng nhà do ông Ch xây) nằm trong diện tích 606m² tại thửa 321 (nay thửa 51) ngày 27/4/1987 UBND huyện Hoa Lư cấp giấy CNQSD tạm thời mang tên ông Nguyễn Văn C1. Ông C1 có 3 người con: (ông Đ, ông Tr, bà L). Năm 2001 ông C1 chết không để lại di chúc, diện tích 606m² của ông C1 do ông Đ đang quản lý, ông Đ chưa được ông C1 chia thừa kế. Tòa án sơ thẩm không đưa các con của ông C1 vào tham gia tố tụng là bỏ lọt vi phạm nghiêm trọng TTTT theo quy định Điều 68, 73 BLTTDS.

Ông C là con ông Đ, là người trực tiếp thuê máy xúc phá dỡ móng nhà mức vật liệu xây dựng trái phép của ông Ch, nhưng Tòa án sơ thẩm không đưa ông C vào người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu tư cách tham gia tố tụng của ông C.

2. Đối với quyết định bản án buộc ông Đ phải bồi thường cho ông Ch số tiền là 1.912.000đ. GCN tạm thời sử dụng đất do UBND huyện Hoa Lư cấp cho ông C1 vẫn đang có giá trị pháp lý, chưa bị cấp có thẩm quyền nào thu hồi hay hủy bỏ. Đây là căn cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của ông C1. Việc ông Ch tự ý xây móng nhà trên diện tích đất 118,47m² (nằm trong diện tích đất của ông C1 được cấp GCN tạm thời), là ông Ch xây dựng trái phép trên đất của ông C1, hiện đang do ông Đ quản lý. Ông Đ giao cho anh C (là con) tháo dỡ vật liệu mức bỏ phần móng xây dựng trái phép để xây nhà cho ông Đ. Tòa án buộc ông Đ phải bồi thường ½ giá trị đất đá hỗn hợp cho ông Ch là 1.912.000đ là vi phạm khoản 2 Điều 584 BLDS. *(Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh do sự kiện bất khả kháng, hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại (hoặc có thỏa thuận khác))...*

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị của VKSND huyện Hoa Lư.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không nhất trí việc kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị HĐXX xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu nộp án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Ch. Chấp nhận nội dung kháng nghị của VKSND huyện Hoa Lư theo hướng sửa bản

án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của TAND huyện Hoa Lư tại mục 3 phần quyết định của bản án. Tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch, ông Đ không phải bồi thường số tiền 1.912.000đồng cho ông Ch.

Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Ông Ch là người cao tuổi nên ông Ch không phải nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của UBTVQH 14.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Quyết Ch trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của nguyên đơn được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư trong thời hạn luật định; hình thức nội dung phù hợp quy định tại Điều 278, 279, 280 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vì vậy Quyết định kháng nghị được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Ông Ch yêu cầu hủy GCN tạm thời sử dụng đất ngày 27/4/1987 của UBND huyện Hoa Lư đã cấp cho ông Nguyễn Văn C1 và trả lại cho ông Ch 118,47m² đất nằm trong diện tích 606m² đất có nguồn gốc của cụ cố Ô, cụ cố I và cụ cố N. Cụ cố Ô và cụ cố I sinh được 4 người con trai là Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn Đ3 (bố ông Ch), Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn C1 (bố ông Đ). Trước khi chết cụ cố Ô và cụ cố I chia đất cho 4 người con mỗi người 3 thước (1 thước tương đương 24m²) từ những năm 1940 không có văn bản giấy tờ gì. Quá trình sử dụng đất qua các thời kỳ, các tài liệu còn lưu trữ trong hồ sơ địa chính tại UBND xã Tr thể hiện: Trong sổ mục kê năm 1979 thửa đất 321 tờ bản đồ số 9 có diện tích 680m² có chính lý mang tên Ô (chính lý C1). Năm 1986 thửa 321 diện tích 750m² mang tên U, Ch, C1, trong đó ông U sử dụng 72m² đất thổ, ông Ch 72m² đất thổ và cụ C1 sử dụng 606m² (gồm 210m² đất thổ cư, 144m² thổ Ch và 252m² đất ao). So với mục kê năm 1979 diện tích năm 1986 tăng thêm 70m² là do biến động và có sự chỉnh lý. Năm 1987 thửa đất nói trên được UBND huyện Hoa Lư cấp GCN tạm thời sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn C1 là căn cứ vào sổ loại 1 để cấp. Năm 1998 thổ đất đo đạc lại, trích lục bản đồ và sổ mục kê thể hiện thửa 51 tờ bản đồ phụ lục số 9 có diện tích 750m² đều là đất thổ, chủ sử dụng là Đ, Ch, U (có ghi chú đất còn tranh chấp), nên các hộ vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ. Căn cứ các tài liệu trên bản đồ, sổ mục kê thể hiện ông U, ông Ch mỗi người sử dụng 72m² không có đất ao, cụ C1 được

sử dụng 606m² (trong đó 210m² đất thổ cư, 144m² thổ Ch và 252m² đất ao) điều này hoàn toàn phù hợp với diện tích đất thực tế của cụ C1 mà ông Đ (con) đang sử dụng, phần móng nhà ông Ch làm là hoàn toàn nằm trên đất ao mà gia đình ông Ch không có đất ao.

Ông Ch thừa nhận 118,47m² có một phần là diện tích ao gia đình ông Ch được thừa kế của cụ cố N sử dụng ổn định làm chuồng lợn, vệ sinh, tuy nhiên ông Ch không đưa ra được chứng cứ chứng minh rằng diện tích đất đó là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Ch.

Do vậy căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất 606m² (trong đó 210m² đất thổ, 144m² đất thổ canh và 252m² đất ao) là thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Đ.

Như vậy có đủ căn cứ xác định diện tích đất ông Ch nhận thừa kế của cụ cố O là 72m² đất thổ cư không hề có đất ao. Diện tích đất thực tế hiện nay là 107,1m² ông Ch xây móng nhà và đang tranh chấp nằm hoàn toàn trên diện tích đất ao thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông Đ (con cụ C1). Do vậy ông Ch yêu cầu buộc ông Đ trả lại 118,47m² (thực tế 107,1m²) là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất ngày 27/4/1987 mang tên Nguyễn Văn C1. HĐXX xét thấy: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xác định toàn bộ diện tích đất 606m² (đo thực tế 580,4m²) là thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Đ (con cụ C1). Từ năm 1957 đến nay gia đình cụ C1 vẫn sử dụng đất đó qua các thời kỳ, đều có tên trong sổ địa chính của xã Tr, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Theo quy định tại điểm 1, 2 mục 4 về đăng ký, thống nhất đất đai tại Quyết định số 201/QĐ ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước quy định “*Để thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất, tất cả các tổ chức, cá nhân sử dụng đất đều phải khai báo chính xác và đăng ký các loại ruộng đất mình sử dụng vào sổ địa chính của nhà nước, UBND xã phải kiểm tra việc khai báo này. Sau khi kê khai và đăng ký, các tổ chức hay cá nhân nào được xác nhận là người quản lý sử dụng hợp pháp thì được cấp GCNQSDĐ*”. Do vậy năm 1987 UBND huyện Hoa Lư căn cứ vào bản đồ, sổ mục kê, danh sách sổ loại 1 do HTX Thắng Thành lập năm 1986 cấp giấy chứng nhận số 01/GCN cho ông Nguyễn Văn C1 là có căn cứ, đúng quy định, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ch. Do đó không có căn cứ hủy giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 01/GCN ngày 27/4/1987 do UBND huyện Hoa Lư đã cấp cho ông Nguyễn Văn C1.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch đề nghị Hủy GCN tạm thời mang tên ông Nguyễn Văn C1 và buộc ông Đ phải trả lại diện tích 118,47m² là có căn cứ đúng theo quy định pháp luật. Do vậy phần kháng cáo này của nguyên đơn không được chấp nhận.

[2.2] Đối với việc kháng cáo ông Ch đề nghị ông Đ phải bồi thường thiệt hại do

bị đơn gây ra cho gia đình ông Ch các khoản gồm: Xây lại móng nhà, xây lại giếng nước như cũ; cây cối hoa màu; ngày công lao động; soạn thảo, đánh máy vi tính, copy tài liệu; xăng xe đi lại khởi kiện; hao tâm tổn trí sức khỏe cho gia đình... với tổng số tiền là 100.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại thời điểm thụ lý giải quyết vụ án thì móng nhà ông Ch xây, giếng nước cũng như hoa màu cây ăn quả ông Ch đề nghị bồi thường không còn. Theo như lời khai của ông C, người được ông Đ ủy quyền có khai, khi khởi công xây dựng nhà cho ông Đ, ông C có thuê máy xúc hốt đất, đá hỗn hợp trên đất, do cơ quan Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư thi hành cưỡng chế theo quyết định của bản án sơ thẩm số 01/DSST ngày 26/01/2000 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư và bản án phúc thẩm số 15/DSPT ngày 24/4/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình và một phần móng phá dỡ của gia đình ông Ch xây để lấy mặt bằng xây dựng. Đây là công trình ông Ch xây dựng trái phép trên đất cụ C1 (bố ông Đ), đáng lẽ ra khi thi công xây dựng gia đình ông Đ phải yêu cầu ông Ch phải có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây trái phép trên đất trả lại mặt bằng cho gia đình ông Đ. Mặt khác theo xác nhận của ông Nguyễn Ngọc C (con ông Đ) được ông Đ ủy quyền xây dựng nhà cho ông Đ, ông C là người trực tiếp có thuê máy xúc hốt đất đá hỗn hợp trên đất và một phần móng phá dỡ của gia đình ông Ch xây trái phép. Vì vậy gia đình ông Đ cũng có lỗi nên phải có trách nhiệm bồi thường 1/2 đất đá hỗn hợp và phần móng phá dỡ cho ông Ch, theo như bản tự khai của ông Ch tổng khối lượng xây móng nhà là 42,80m³ và 05m³ đá hộc, với giá bình quân là 80.000đ/1m³ theo giá san lấp mặt bằng ở địa phương (42,80m³ x 80.000đ): 2 = 1.912.000đ. Đối với yêu cầu đòi bồi thường của ông Ch về cây cối hoa màu, giếng nước, ngày công lao động, soạn thảo đánh máy vi tính copy tài liệu, hao tâm tổn trí và tiền xăng xe khởi kiện là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải bồi thường 1/2 giá trị đất đá hỗn hợp cho ông Ch trị giá là 1.912.000đồng là có cơ sở.

[3] Về nội dung kháng nghị:

[3.1] Đối với diện tích đất ông Ch khởi kiện đòi 118,47m² của ông Ch nằm trong diện tích 606m² tại thửa 321 (nay thửa 51) được UBND huyện Hoa Lư cấp giấy CNQSD tạm thời năm 1987 mang tên cụ C1. Cụ C1 chết năm 2001 không có di chúc, những người thừa kế thứ nhất của cụ C1 là 3 người con gồm: Nguyễn Quý Đ, ông Nguyễn Ngọc Tr, bà Nguyễn Thị L. Diện tích 606m² của cụ C1 do ông Đ đang quản lý. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông Tr, bà L có xác nhận ngày 29/11/2019 về việc năm 1999 cụ C1 có viết giấy ủy quyền cho ông Đ con trai trưởng tham gia giải quyết tranh chấp, nhưng việc ủy quyền này là trong vụ án dân sự thụ lý năm 2000. Đến nay vụ án thụ lý theo đơn khởi kiện của ông Ch, trong khi cụ C1 đã chết thì ông Tr, bà L là những người thừa kế của cụ C1 có quyền lợi liên quan, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Tr, bà L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bỏ sót người tham gia tố tụng vi phạm Điều 68, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra ông Nguyễn Ngọc C là (con ông Đ) khi xây dựng nhà cho ông Đ, ông C là người trực tiếp có thuê máy xúc phá dỡ móng nhà mức vật liệu xây dựng trái phép của ông Ch, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu tư cách tham gia tố

tụng của ông C. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với ông C: Nhà đất thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Đ, khi xây nhà, ông Đ ủy quyền cho ông C đứng ra thi công giúp, trên thực tế ông Đ là người phải chịu trách nhiệm T bộ trong việc thi công xây dựng, còn ông C chỉ là người thực hiện theo ủy quyền. Do đó bản án sơ thẩm buộc ông Đ phải bồi thường thiệt hại mà không đưa ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng và không xâm phạm đến quyền lợi của ai.

Đối với ông Tr, bà L: Tòa án cấp sơ thẩm tuy không đưa ông Tr, bà L vào tham gia tố tụng, nhưng nội dung bản án sơ thẩm đã giải quyết không xâm phạm đến quyền và lợi ích của họ, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm như kháng nghị nêu.

[3.2] Đối với quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông Đ phải bồi thường cho ông Ch 1.912.000đồng. Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất do UBND huyện Hoa Lư cấp cho ông C1 vẫn đang có giá trị pháp lý, chưa bị cấp có thẩm quyền nào thu hồi hay hủy bỏ. Đây là căn cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của ông C1. Việc ông Ch tự ý xây dựng trái phép móng nhà trên diện tích 118,47m² đất nằm trong diện tích đất của cụ C1, hiện nay ông Đ đang quản lý. Ông C làm nhà cho ông Đ đã mức bỏ phần móng xây dựng trái phép của ông Ch trên diện tích đất hợp pháp là không có lỗi, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên bản án sơ thẩm buộc ông Đ phải bồi thường cho ông Ch số tiền 1.912.000đồng là không có căn cứ, vi phạm khoản 2 Điều 584 Bộ luật dân sự.

HĐXX xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông Ch là không có căn cứ. Diện tích đất ông Ch khởi kiện là của gia đình cụ C1, hiện gia đình ông Đ đang quản lý sử dụng là hợp pháp theo GCN tạm thời do UBND huyện Hoa Lư cấp năm 1987. Ông Ch xây dựng trái phép trên đất cụ C1, đáng lẽ ra ông Đ phải yêu cầu ông Ch phải có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất trả lại mặt bằng cho gia đình ông Đ, nhưng gia đình ông Đ đã ủy quyền cho con trai là ông C đứng ra xây nhà cho ông Đ, ông C đã tự ý thuê máy xúc hốt đá đất hỗn hợp trên đất và một phần móng phá dỡ của gia đình ông Ch. Vì vậy ông Đ cũng có lỗi nên phải có trách nhiệm bồi thường 1/2 đất đá hỗn hợp và phần móng phá dỡ cho ông Ch trị giá 1.912.000đ là có căn cứ. Do vậy kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Hoa Lư không được chấp nhận.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Hoa Lư. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quyết Ch không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quyết Ch.
2. Không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quyết Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.
5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09 tháng 4 năm 2021.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

**TM. HỘI Ô XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Sâm